

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 8 - 2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Chăm

Ông Nguyễn Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2429/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị R, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: (L) 403, 23, Garaebi 8-gil, Gwangjeok-myeon, Y-si, G-do, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2022, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Phan Thị R trình bày:

Bà và ông Bùi Tấn L sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012. Vợ chồng bà có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về

quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ đó cho đến nay, không thể hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Tấn L, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có một con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 09/01/2014, hiện nay đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại công việc của bà bận làm việc nên không thể tham gia vụ kiện. Vì vậy, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án bao gồm tất cả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên xét xử của Tòa án.

Theo bản khai đề ngày 28 tháng 7 năm 2023, bị đơn là ông Bùi Tấn L trình bày:

Ông thống nhất với bà R về hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, thời gian kết hôn đăng ký kết hôn. Ông L cho biết, sau khi kết hôn thì vợ chồng ông chung sống hạnh phúc khoảng 5-6 năm thì vợ chồng ông đi nước ngoài (Hàn Quốc) để làm việc. Ông bà có 01 con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 09/01/2014. Thời gian vợ chồng ông đi làm ở nước ngoài thì gửi cháu về bên ngoại để chăm sóc, vợ chồng ông thay phiên nhau về thăm con. Ông cũng thừa nhận giữa ông và bà R có mâu thuẫn cách nay khoảng 04 năm, hai bên cũng khó có thể trao đổi hay giao tiếp.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà R thì ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà R, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Ông đồng ý để cho bà R trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 09/01/2014 hiện đang sống với bà R. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà R có tài sản chung, tuy nhiên ông thống nhất với bà R là không yêu cầu chia trong vụ án này mà để vợ chồng ông tự thỏa thuận. Nếu sau này có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện trong vụ án khác để được giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay do ông bận công việc cá nhân nên yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L là ly hôn, nguyên đơn bà Phan Thị R đang ở Việt Nam, bị đơn ông Bùi Tấn L hiện đang làm việc ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2012, Quyền số 01/2010 ngày 11 tháng 12 năm 2012 nên hôn nhân giữa bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà R và ông L chung sống hạnh phúc khoảng 4-5 năm thì ông bà đi lao động ở nước ngoài, ông bà cũng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Nay bà R cho rằng không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã lập biên bản làm việc ghi nhận được ý kiến đối với bị đơn là ông Bùi Tấn L với nội dung: Ông L cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà R, ông đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của bà R và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó bà R yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở nên được chấp nhận. Hai bên cũng thống nhất không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà R và ông L khai thống nhất có 01 con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 09/01/2014, cháu V đang sống chung với bà R. Bà R và ông L thống nhất để bà R được trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác, tại biên bản của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 03/4/2023 về việc lấy ý kiến cháu Bùi Tường V thì cháu V có nguyện vọng là muốn sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Do đó, giao con chung là cháu Bùi Tường V cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà R không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, ông L trình bày ông cũng sẽ không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thể thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Phan Thị R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Phan Thị R.

1.1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị R được ly hôn với ông Bùi Tấn L.

1.2. Về con chung: Bà Phan Thị R được trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Tường V, sinh ngày 09/01/2014 (cháu Văn hiện do bà R nuôi dưỡng). Bà Phan Thị R tự nguyện không yêu cầu ông Bùi Tấn L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung thì các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Phan Thị R và ông Bùi Tấn L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị R phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000744 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp về dân sự của Việt Nam ra nước ngoài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001758 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự Bến Tre.

Bà Phan Thị R được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông Bùi Tấn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt